

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2018/DS-PT

Ngày: 19/7/2018

V/v “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thái Lan

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Phi Đô
Ông Trần Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Trà, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên: Bà Trần Thị Thu Anh, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa

Ngày 19 tháng 7 năm 2018 tại Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 14/2018/TLPT-DS ngày 02 tháng 3 năm 2018 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 82/2017/DS-ST ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 33/2018/QĐPT-PT ngày 28 tháng 3 năm 2018; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 62/2018/QĐ-PT ngày 23 tháng 4 năm 2018; Thông báo về thời gian mở phiên tòa số: 136/TB-TA ngày 06 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà Phạm Thị Diễm T, sinh năm: 1974. Địa chỉ: 15/01 C, phường n, TP. T, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

2. **Bị đơn:** Bà Đặng Thị Minh L, sinh năm: 1976. Địa chỉ: 71/6 L, phường m, TP. T, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

Viện kiểm sát nhân dân thành phố T kháng nghị số: 01/QĐKNPT-VKS-DS kháng nghị đối với bản án số: 82/2017/DS-ST ngày 26/12/2017 của Tòa án nhân dân thành phố T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, tài liệu có tại hồ sơ, nguyên đơn Phạm Thị Diễm T trình bày: Ngày 08/11/2016, nguyên đơn có cho bị đơn vay tiền hai lần, một lần 17.000.000 đồng và một lần 23.000.000 đồng, tổng số tiền 40.000.000 đồng, hai bên chỉ ghi giấy nhận nợ tiền gốc và có thỏa thuận miệng lãi suất

hàng tháng là 1.000.000 đồng trên tổng số tiền vay gốc, thời hạn trả tiền gốc do nguyên đơn ấn định nếu bị đơn trả lãi không đúng hạn. Sau khi vay đến nay bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả như cam kết, nguyên đơn đã nhiều lần gặp bị đơn yêu cầu trả tiền gốc và lãi nhưng bị đơn vẫn không trả. Nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả tiền gốc là 40.000.000 đồng, không yêu cầu trả lãi.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 82/2017/DS-ST ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố T đã quyết định:

Áp dụng các Điều 471, 474 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 357 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Phạm Thị Diễm T, buộc bị đơn Đặng Thị Minh L phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc vay 40.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 09/01/2018 Viện kiểm sát nhân dân thành phố T có Quyết định kháng nghị số: 01/QĐKNPT-VKS-DS kháng nghị một phần bản án dân sự sơ thẩm số 82/2017/DS-ST ngày 26/12/2017 của Tòa án nhân dân thành phố T đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên xét xử phúc thẩm theo hướng sửa một phần bản án sơ thẩm: không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền 17.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn bà Phạm Thị Diễm T xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền yêu cầu bà L trả nợ là 17.000.000đ.

Bị đơn bà Đặng Thị Minh L trình bày bà chấp nhận nợ và trả nợ cho bà T số tiền 25.000.000đ (trong đó có 23.000.000đ và 2.000.000đ sau này bà vay thêm), đối với khoản nợ 17.000.000đ bà không vay và viết giấy vay.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng pháp luật. Về nội dung vụ án: Căn cứ khoản 2, 4 Điều 308 BLTTDS đề nghị HĐXX chấp nhận kháng nghị số: 01/QĐKNPT-VKS-DS ngày 09/01/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố T sửa bản án sơ thẩm; Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền 23.000.000đ; Hủy một phần bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết một phần vụ án đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền 17.000.000đ ; Ghi nhận sự tự nguyện của bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền 2.000.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến các bên đương sự, Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

Về kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố T:

Đối với khoản tiền 17.000.000đ nguyên đơn bà T yêu cầu bà L trả với chứng cứ giấy nhận nợ ghi “ Loan M tổng cộng 17.000.000 đồng, L mượn 17.000.000 đồng ”. Xét nội dung giấy nhận nợ 17.000.000đ không có ngày, tháng, năm mượn, không ghi rõ L mượn tiền của ai, không có chữ ký, địa chỉ của người mượn. Bị đơn bà L không thừa nhận có vay, viết giấy nhận nợ bà T khoản tiền 17.000.000đ và không đồng ý trả nợ. Mặt khác theo kết luận giám định số: 381/C54C(Đ2) ngày 02/7/2018 của Phân viện Khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng kết luận: giấy ghi nhận nợ số tiền 17.000.000 đồng không phải là chữ viết của bị đơn Đặng Thị Minh L do đó từ những chứng cứ đã nêu có căn cứ chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố T về việc không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà T buộc bà L phải trả cho bà T số tiền 17.000.000đ. Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà T xin rút một phần yêu cầu khởi kiện khoản tiền 17.000.000đ. Xét thấy việc rút yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà T là hoàn toàn tự nguyện, đúng pháp luật và được sự đồng ý của bị đơn bà L do đó Hội đồng xét xử hủy một phần bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết một phần vụ án đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà T đối với bà L về khoản nợ 17.000.000đ.

Tại Tòa cấp phúc thẩm bị đơn bà L tự nguyện trả số tiền vay thêm 2.000.000đ cho bà T và được bà T đồng ý nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

- Về chi phí giám định: Nguyên đơn bà T phải chịu số tiền chi phí giám định là 5.050.000đ do yêu cầu giám định không có căn cứ. Bà T đã nộp 6.000.000đ nên hoàn lại cho bà T số tiền 950.000đ.

- Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2, 4 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố T; Sửa một phần bản án sơ thẩm;

Áp dụng Điều 471, 474 Bộ luật dân sự 2005; Điều 357 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 .

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Diễm T. Buộc bị đơn bà Đặng Thị Minh L phải trả cho nguyên đơn bà Phạm Thị Diễm T số tiền 23.000.000đ (Hai mươi ba triệu đồng).

Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự, buộc bị đơn bà Đặng Thị Minh L phải trả cho nguyên đơn bà Phạm Thị Diễm T số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng).

Hủy một phần bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết một phần vụ án đối

với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Diễm T đối với bà Đặng Thị Minh L về khoản tiền nợ 17.000.000đ.

- Về chi phí giám định: Nguyên đơn bà Phạm Thị Diễm T phải chịu số tiền chi phí giám định là 5.050.000đ (Năm triệu, không trăm năm mươi ngàn đồng) do yêu cầu giám định không có căn cứ. Bà T đã nộp 6.000.000đ (Sáu triệu đồng) nên hoàn lại cho bà T số tiền 950.000đ (Chín trăm năm mươi ngàn đồng).

- Về án phí: Bị đơn bà Đặng Thị Minh L phải chịu 1.250.000đ (Một triệu, hai trăm năm mươi ngàn đồng) án phí DSST.

Nguyên đơn bà Phạm Thị Diễm T phải chịu 850.000đ (Tám trăm năm mươi ngàn đồng) án phí DSST, đã nộp tạm ứng án phí số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng) tại biên lai số 0005061 ngày 16/8/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T nên hoàn trả lại cho bà T số tiền 250.000đ (Hai trăm năm mươi ngàn đồng).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn chưa thi hành xong khoản tiền trên thì hàng tháng phải chịu khoản lãi theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Phú Yên (2);
- TAND TP. T (2);
- CCTHADS TP.T;
- P.GĐKT;
- VP-TNV;
- Các đương sự;
- Lưu AV, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thái Lan